TOÀ ÁN N DÂN HUYỆN TH O
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2019/QĐST-DS

Th O, ngày 03 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; khoản, Điều 466; Điều 467, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 59/2019/TLST- DS ngày 17 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Trụ sở: C L, phường C L, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông L H Đ– Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp N đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản- Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ : Kim Liên, phường C L, quận Đống Đa, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông L Q N- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

(Theo Hợp đồng ủy quyền số 01/UQ.MB-MBAMC ngày 26/3/2018 của Ngân hàng TMCP Q).

*Đại diện tham gia tố tụng: Bà **Đ Th H Nh***

Chức vụ: Chuyên viên tố tụng – Phòng xử lý nợ miền Bắc – Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Q (MBAMC). Văn bản ủy quyền số 4396/UQ-MBAMC ngày 01/11/2018

Bị đơn: **Bị đơn:**

Ông Ng T A, sinh năm 1982

CMND số: do Công an TP Hà Nội cấp ngày 10/12/2009

HKTT: thôn B, xã C V, huyện Th O, thành phố Hà Nội

Bà Ng Th L, sinh năm 1985

HKTT: Thôn B, xã C V, huyện Th O, thành phố Hà Nội.

Chị L ủy quyền cho A Ng T A tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Ng V N, sinh năm 1956

HKTT: thôn B, xã C V, huyện Th O, thành phố Hà Nội.

CMND số: 112246976 do Công an Hà Tây (nay là Công an TP Hà Nội) cấp ngày 24/06/2005.

Bà Ng Th H, sinh năm 1960

HKTT: Thôn B, xã C V, huyện Th O, thành phố Hà Nội.

CMND số: 112256088 do Công an Hà Tây (nay là Công an TP Hà Nội) cấp ngày 24/06/2005.

Chị Ng Th T Nh, sinh năm 1987.

HKTT: phường Thượng Đình, quận ThA Xuân, thành phố Hà Nội.

Bà Ng Th H và chị Ng Th T Nh ủy quyền cho ông Ng V N tham gia tố tụng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Dư nợ tạm tính của ông Ng T A, bà Ng Th L theo hợp đồng tín dụng ký ngày 17/11/2011 số 5.2011.003.1039614.TD.CN tính đến ngày 22/05/2019 tại MB là:

+ Nợ gốc: 1.100.150.000 đồng; + Nợ lãi: 2.261.440.267 đồng

+ Tổng nợ: 3.361.590.267 đồng

Các bên thống nhất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. A Ng T A có trách nhiệm trả tiền còn nợ cho Ngân hàng theo yêu cầu của Ngân hàng. Số tiền trả được ưu tiên quyết toán vào gốc.

A Ng T A và chị Ng Th L thA toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp Đồng Tín Dụng số 5.2011.003.1039614.TD.CN kể từ ngày 23/05/2019 cho đến khi thA toán xong khoản nợ;

Nếu A Tiến A vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản là toàn bộ QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 06, diện tích 312m2, địa chỉ: thôn B, xã C V, huyện Th O, thành phố Hà Nội, GCN QSDĐ số AH 589125, vào sổ cấp GCN số H 761 do UBND huyên Th O cấp cho Hộ ông Ng V N ngày 05/12/2007.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thA toán nghĩa vụ trả nợ của A Ng T A, chị Ng Th L đối với Ngân hàng MB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thA toán hết khoản nợ thì A Ng T A, chị Ng Th L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng MB.

Án phí: A Ng T A và chị Ng Th L phải nộp 49.615.902 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ngân hàng MB 49.000.000 đồng số tiền đã nộp tạm ứng án phí. Theo biên lai số 01830 ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th O.

Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Th O;
- Chi cục T.H.A huyện Th O;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bá Thắng